

Số: /TB-UBND

Kiến Minh, ngày tháng năm 2026

THÔNG BÁO

Công khai kết quả giải quyết thủ tục hành chính tháng 06 năm 2026

Thực hiện Quyết định số 5049/QĐ-UBND, ngày 11/12/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Bộ tiêu chí, Bảng thang điểm và quy trình xét công nhận "Chính quyền thân thiện" cấp xã trên địa bàn thành phố;

Ủy ban nhân dân xã thông báo công khai kết quả giải quyết thủ tục hành chính tháng 6/2026 tại Ủy ban nhân dân xã Kiến Minh, cụ thể như sau:

1. Tổng số hồ sơ tiếp nhận: 690

- Số hồ sơ tiếp nhận trong kỳ: 662
- Số hồ sơ kỳ trước chuyển qua: 28
- Số lượng hồ sơ tiếp nhận trực tuyến: 662/662 đạt 100%

2. Số hồ sơ đã giải quyết: 608

- Số hồ sơ giải quyết đúng hạn: 608
- Số hồ sơ giải quyết quá hạn: 0
- Số hồ sơ từ chối không giải quyết: 0
- Số hồ sơ rút: 0
- Tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng hạn: 608/608 đạt 100%

3. Số hồ sơ đang giải quyết: 82

- Số hồ sơ đang giải quyết trong hạn: 82
- Số hồ sơ đang giải quyết quá hạn: 0

(có biểu tổng hợp kèm theo)

UBND xã Kiến Minh thông báo và niêm yết công khai trên Cổng thông tin điện tử của xã để các tổ chức và Nhân dân trên địa bàn được biết./.

Nơi nhận:

- TTĐU, TTHĐND xã;
- CT, các PCT UBND xã;
- Các phòng chuyên môn;
- Trung tâm Phục vụ HCC;
- Trung tâm DVSNC;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hoàng Thị Thuý Hà

PHỤ LỤC
KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THÁNG 6/2026
(Gửi kèm theo Thông báo số: /TB-UBND ngày /7/2026 của Ủy ban nhân dân xã Kiến Minh)

STT	Thủ tục hành chính	Số lượng hồ sơ tiếp nhận				Số lượng hồ sơ đã giải quyết						Số lượng hồ sơ đang giải quyết			
		Tổng số	Trong kỳ		Từ kỳ trước	Tổng số	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn	Từ chối, không giải quyết	Hồ sơ rút	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn	Yêu cầu bổ sung
			Thực tuyến	Thực tiếp, dịch vụ bưu chính											
1	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài	62	34	0	28	40	40	0	0	0	0	22	22	0	0
2	Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; giao đất và giao rừng; cho thuê đất và cho thuê rừng, gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất	2	2	0	0	0	0	0	0	0	0	2	2	0	0

3	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu có sai sót	4	4	0	0	4	4	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Thủ tục đăng ký khai sinh	18	18	0	0	18	18	0	0	0	0	0	0	0	0
5	Trợ cấp đối với trẻ em mồ côi là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp	56	56	0	0	0	0	0	0	0	0	56	56	0	0
6	Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ.	2	2	0	0	0	0	0	0	0	0	2	2	0	0
7	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	1	1	0	0	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0
8	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	15	15	0	0	15	15	0	0	0	0	0	0	0	0
9	Đăng ký thay đổi nội dung hộ kinh doanh	3	3	0	0	3	3	0	0	0	0	0	0	0	0
10	Đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận hộ kinh doanh	1	1	0	0	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0
11	Đăng ký chấm dứt hộ kinh doanh	17	17	0	0	17	17	0	0	0	0	0	0	0	0
12	Đăng ký khai tử	19	19	0	0	19	19	0	0	0	0	0	0	0	0
13	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	70	70	0	0	70	70	0	0	0	0	0	0	0	0

14	Chứng thực giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	57	57	0	0	57	57	0	0	0	0	0	0	0	0
15	Chứng thực văn bản phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	28	28	0	0	28	28	0	0	0	0	0	0	0	0
16	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh	51	51	0	0	51	51	0	0	0	0	0	0	0	0
17	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	141	141	0	0	141	141	0	0	0	0	0	0	0	0
18	Chứng thực di chúc	1	1	0	0	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0
19	Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	13	13	0	0	13	13	0	0	0	0	0	0	0	0
20	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	45	45	0	0	45	45	0	0	0	0	0	0	0	0
21	Thủ tục đăng ký kết hôn	7	7	0	0	7	7	0	0	0	0	0	0	0	0
22	Thủ tục đăng ký lại khai sinh	28	28	0	0	28	28	0	0	0	0	0	0	0	0
23	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con	2	2	0	0	2	2	0	0	0	0	0	0	0	0
24	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác	1	1	0	0	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0

	định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)														
25	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	1	1	0	0	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0
26	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc	14	14	0	0	14	14	0	0	0	0	0	0	0	0
27	Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật	12	12	0	0	12	12	0	0	0	0	0	0	0	0
28	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp hưu trí xã hội	2	2	0	0	2	2	0	0	0	0	0	0	0	0
29	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội	2	2	0	0	2	2	0	0	0	0	0	0	0	0
30	Hỗ trợ chi phí mai táng đối với đối tượng hưởng trợ cấp hưu trí xã hội	3	3	0	0	3	3	0	0	0	0	0	0	0	0
31	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	12	12	0	0	12	12	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng cộng	690	662	0	28	608	608	0	0	0	0	82	82	0	0